

Bản án số: 419/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 14/5/2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Liên
2. Bà Lâm Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trúc Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Minh G – sinh năm 1993 (Có mặt)

Địa chỉ: 138 đường L, Phường R, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Tuấn A – sinh năm 1990

Địa chỉ: A75/6B/48 đường Đ, Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 11/4/2018 ông Trần Tuấn A có Đơn yêu cầu vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 19/01/2018 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị Minh G trình bày: Bà và ông Trần Tuấn A tự nguyện kết hôn với nhau năm 2015 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 20/2015; Quyền số: 01/2015

do Ủy ban nhân dân Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/02/2015). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do ông A ham mê cờ bạc, cá độ đá banh, không chăm lo cho gia đình, đến ngày 27/12/2017 thì phạm tội tổ chức đánh bạc, bị Công an bắt tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại giam Chí Hòa. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông A để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 con chung là Trần An N – sinh ngày 01/03/2015 và Trần Hạo N1 – sinh ngày 24/02/2017. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi hai con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 11/4/2018, Bị đơn – ông Trần Tuấn A trình bày: Ông và bà Trần Thị Minh G tự nguyện kết hôn năm 2015, quá trình chung sống có hai người con chung là Trần An N – sinh ngày 01/03/2015 và Trần Hạo N1 – sinh ngày 24/02/2017. Ngày 29/12/2017 ông bị Công an Thành phố Hồ Chí Minh (PC45) bắt về tội tổ chức đánh bạc, nay bà G yêu cầu được ly hôn, được nuôi hai con chung, không yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi hai con, ông đồng ý. Ông và bà G không có tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa hôm nay, Bị đơn – ông Trần Tuấn A vắng mặt.

Nguyên đơn – bà Trần Thị Minh G trình bày: Tại phiên tòa hôm nay, bà vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông A vì ông A không chăm lo cho vợ con, không có trách nhiệm với gia đình, chỉ ham mê cờ bạc, cá độ đá banh và không chung thủy. Bà yêu cầu được nuôi hai con chung, không ông yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con, vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật, xét xử đúng hạn luật định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị Minh G khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Tuấn A có nơi cư trú tại số: A75/6B/48 đường Đ, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà G thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh thông tin của Bị đơn tại Công an Thành phố Hồ Chí Minh nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Trần Thị Minh G có mặt. Ngày 11/4/2018 Bị đơn – ông Trần Tuấn A có Đơn yêu cầu vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông A theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về hôn nhân:

Căn cứ bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số: 20/2015; Quyền số: 01/2015 do Ủy ban nhân dân Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/02/2015 thì quan hệ hôn nhân giữa bà G và ông A là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà G vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông A do tình cảm không còn nên không thể hàn gắn được. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 11/4/2018 ông A cũng đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bà G yêu cầu được ly hôn, ông A đồng ý ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và không trái quy định của pháp luật nên ghi nhận.

[5] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Có 02 con chung là Trần An N – sinh ngày 01/03/2015 và Trần Hạo N1 – sinh ngày 24/02/2017.

Bà G yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 11/4/2018 ông A cũng đồng ý giao hai con chung cho bà G nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bà G yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi hai con, ông A đồng ý giao hai con chung cho bà G nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện và không trái quy định của pháp luật nên ghi nhận.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà G, ông A trình bày không có nên Hội đồng xét xử không có gì phải xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ điểm a Khoản 5; điểm a Khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà G phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà G đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 227; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào điểm a Khoản 5; điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – bà Trần Thị Minh G.

a. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Minh G và ông Trần Tuấn A.

b. Về con chung: Giao hai cháu Trần An N – sinh ngày 01/03/2015 và Trần Hạo N1 – sinh ngày 24/02/2017 cho bà Trần Thị Minh G tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai cháu Trần An N, Trần Hạo N1 đối với ông Trần Tuấn A do bà Trần Thị Minh G không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

c. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2/ Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Trần Thị Minh G chịu, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Trần Thị Minh G đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2017/0007776 ngày 30/01/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4/ Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Minh G được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Tuấn A vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận :

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai Hương